

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Số 1 Lương Định Của -Phương Mai -Đông Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hà Nội T01- 2017



CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		470,867,056,351	433,494,765,690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		132,334,894,235	38,556,822,668
1. Tiền	111	V.1	132,334,894,235	38,556,822,668
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2b		0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,178,270,000	2,439,993,900
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	1,178,270,000	3,944,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	122	V.2a		(1,504,006,100)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125,568,287,256	204,891,001,707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	92,854,827,418	179,809,862,800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14,994,937,874	8,011,792,100
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			2,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17,779,109,964	15,129,934,807
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(60,588,000)	(60,588,000)
IV. Hàng tồn kho	140		206,452,571,393	183,181,178,794
1. Hàng tồn kho	141	V.6	208,069,504,291	186,462,054,288
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,616,932,898)	(3,280,875,494)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,333,033,467	4,425,768,621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	5,313,492,467	4,310,791,621
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		19,541,000	114,977,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		774,596,204,256	768,586,983,005
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		170,725,730,399	182,841,658,211
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	166,120,567,864	176,635,714,007
- Nguyên giá	222		233,135,923,509	227,767,692,825
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67,015,355,645)	(51,131,978,818)
2. TSCĐ vô hình	227	V.9	4,605,162,535	6,205,944,204
- Nguyên giá	228		12,463,902,000	12,457,902,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,858,739,465)	(6,251,957,796)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,113,446,664	2,113,446,664
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241	V.7	2,113,446,664	2,113,446,664

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		599,399,054,938	583,456,063,880
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	586,065,414,938	570,122,423,880
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	13,333,640,000	13,333,640,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,357,972,255	175,814,250
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,357,972,255	175,814,250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,245,463,260,607	1,202,081,748,695
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		309,411,435,000	373,664,933,111
I. Nợ ngắn hạn	310		301,648,699,050	315,776,695,911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	64,919,831,590	89,139,194,784
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		44,294,465,232	30,291,844,036
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6,303,863,339	4,463,101,126
4. Phải trả người lao động	314		27,394,897,190	38,757,894,900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	840,891,588	1,089,290,086
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x/dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	31,236,647,345	11,409,474,242
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	112,920,737,975	116,887,898,460
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13,737,364,791	23,737,998,277
10. Quỹ bình ổn giá	323			
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		7,762,735,950	57,888,237,200
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Vay và nợ dài hạn	338		7,762,735,950	57,888,237,200

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		936,051,825,607	828,416,815,584
I. Vốn chủ sở hữu	410		936,051,825,607	828,416,815,584
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152,950,000,000	152,950,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	331,245,527,850	331,245,527,850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415		(40,000,000)	(20,000,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	268,232,472,616	197,461,033,229
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	183,663,825,141	146,780,254,505
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20,457,078,199	5,884,996,210
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		163,206,746,942	140,895,258,295
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,245,463,260,607	1,202,081,748,695

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tỷ

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	295,961,028,962	299,257,022,774	859,162,351,743	828,460,951,400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3,299,502,781	13,981,116,642	37,165,128,558	55,520,334,654
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		292,661,526,181	285,275,906,132	821,997,223,185	772,940,616,746
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	158,448,275,783	167,612,074,233	490,180,840,345	466,261,403,259
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		134,213,250,398	117,663,831,899	331,816,382,840	306,679,213,487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	38,260,746	3,807,778,270	21,311,416,379	11,617,770,878
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4,044,673,360	3,387,203,127	13,135,396,119	10,884,718,656
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,914,148,941	2,103,557,190	8,129,000,936	5,621,875,806
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	26,349,598,023	28,609,145,445	69,170,627,042	72,242,916,269
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	35,195,790,226	34,099,870,806	75,368,397,698	75,344,241,334
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68,661,449,535	55,375,390,791	195,453,378,360	159,825,108,106
11. Thu nhập khác	31	VI.6	24,865,455	10,160,000	1,023,916,385	4,861,877,307
12. Chi phí khác	32		185,414,941	283,081,286	194,587,583	283,081,286
13. Lợi nhuận khác	40		(160,549,486)	(272,921,286)	829,328,802	4,578,796,021
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68,500,900,049	55,102,469,505	196,282,707,162	164,403,904,127
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3,678,456,555	2,577,568,435	9,412,668,220	7,900,267,832
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64,822,443,494	52,524,901,070	186,870,038,942	156,503,636,295

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo.

CÔNG TY CP GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ : Số 1 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị : VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		863,457,239,133	673,272,901,292
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(515,016,572,580)	(453,982,061,664)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(97,552,416,525)	(73,359,379,052)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(8,238,508,769)	(5,828,472,943)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(10,630,680,534)	(6,178,568,842)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13,515,528,060	37,772,722,404
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(49,726,280,992)	(69,365,423,042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		195,808,307,793	102,331,718,153
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(23,077,744,585)	(93,947,589,080)
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,000,000,000	1,413,953,964
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17,791,926,400)	(195,496,173,838)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,524,061,161	37,625,744,262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,345,609,824)	(250,404,064,692)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-		-
2. Tiền trả lại v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32	-	(20,000,000)	(20,000,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	157,962,469,300	302,560,372,960
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(212,055,131,035)	(151,828,237,300)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(30,567,056,000)	(61,173,378,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(84,679,717,735)	89,538,757,660
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		93,782,980,234	(58,533,588,879)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38,556,822,668	97,094,853,557
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(4,908,667.00)	(4,442,010)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		132,334,894,235	38,556,822,668

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009, thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010, thay đổi lần 8 ngày 23/09/2011, thay đổi lần 9 ngày 21/01/2013, thay đổi lần 10 ngày 30/06/2014 và thay đổi lần 11 ngày 04/11/2014.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Ngày 04/11/2014, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu : Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp.
- Bán buôn gạo, bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ.
- Bán buôn thực phẩm và bán buôn chuyên doanh khác
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Chế biến và bảo quản rau.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng.
- Trồng cây cà phê, cây điều, cây chè.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
- Sản xuất thực phẩm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường : 6 tháng

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

➤ Danh sách các công ty con :

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng trung ương Quảng Nam
- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Miền Trung
- Chi nhánh Thái Bình
- Chi nhánh Thanh Hóa
- Chi nhánh Hà Nam
- Xí nghiệp Ba Vì
- Chi nhánh Tây Nguyên
- Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Ba Vì
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại Khoái Châu
- Nhà máy chế biến Thường Tín
- Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.

➤ Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty có 314 người lao động.

➤ **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch
- Bà Lê Thị Lệ Hằng - Phó chủ tịch
- Ông Trần Đình Long - Thành viên
- Ông Đỗ Bá Vọng - Thành Viên
- Bà Nguyễn Thị Trà My - Thành viên
- Ông Nguyễn Khắc Hải - Thành viên

➤ **BAN KIỂM SOÁT**

- Ông Nguyễn Khánh Quỳnh - Trưởng ban
- Ông Đỗ Tiến Sỹ - Thành viên
- Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên

➤ **BAN GIÁM ĐỐC**

- Bà Trần Kim Liên - Tổng Giám đốc
- Ông Đỗ Bá Vọng - Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Ngọc Lý - Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Hải Thọ - Phó Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Thông tin trên Báo cáo tài chính có khả năng so sánh với số cùng kỳ năm trước.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
2. Tuyên bố về việc tuân thủ : Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức của năm trước khi trở thành công ty con ghi nhận giảm giá gốc đầu tư.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	6 - 10
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy tính	5

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.
- Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.
- Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.
- Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.
Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.
- Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm : Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

19. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN, Công ty được miễn, giảm thuế TNDN đối với kết quả sản xuất kinh doanh hình thành từ sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với điều kiện doanh thu của sản phẩm nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm thứ nhất đạt 30%, năm thứ 2 đạt 50%, từ năm thứ trở đi đạt 70% tổng doanh thu.

Năm 2016 là năm thứ 6 Công ty đáp ứng được điều kiện trên nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 Công ty phải nộp là 5%.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm theo quy định hiện hành là 20% (thay đổi từ ngày 01/01/2016).

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	9,511,454,949	4,426,435,334
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	122,823,439,286	34,130,387,334
Tiền đang chuyển		
Cộng	132,334,894,235	38,556,822,668

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh.

	31/12/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu						
	1,178,270,000	1,178,270,000	-	3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)
Công ty CP cảng rau quả (VGP)						
	1,178,270,000	1,178,270,000	-	3,944,000,000	2,439,993,900	(1,504,006,100)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

➤ Tỷ lệ sở hữu (%)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1 Đầu tư vào công ty con				
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608	53.80%	30,608	53.80%
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	450,100	90.02%	450,100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	9,219,130	61.49%	9,219,130	61.49%
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	1,779,193	35.58%		
2 Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Giống cây trồng Thái Bình	99,938	10.03%	99,938	10.03%

Theo Nghị Quyết Công ty CP đầu tư và phát triển nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam tổng vốn cổ phần là 50.000.000.000 đồng. Công ty CP giống cây trồng Trung Ương góp 35.800.000.000 đồng chiếm 71,6%. Thời gian góp vốn 90 ngày tính từ ngày 26/09/2016.

Đến thời điểm 31/12/2016 Công ty CP giống cây trồng Trung Ương đã góp 17.791.926,400 đồng chiếm 35,58% vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

➤ Giá trị vốn góp

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1 Đầu tư vào công ty con	586,065,414,938			570,122,423,880		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	30,608,000,000			30,608,000,000		
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	6,823,788,000			6,823,788,000		
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	530,841,700,538			532,690,635,880		
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	17,791,926,400					
2 Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần GCT Thái Bình	13,333,640,000			13,333,640,000		

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng ngắn hạn (chi tiết 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tổng phải thu của khách hàng, trong đó :	92,854,827,418	179,809,862,800
<i>Cục trồng trọt</i>	-	73,803,000,000
<i>Phải thu của các đối tượng khác</i>	76,747,245,758	104,262,963,275
<i>Phải thu của bên liên quan</i>	16,107,581,660	1,743,899,525
Cộng	92,854,827,418	179,809,862,800

Trong kỳ số dư phải thu của các khách hàng không có món nào lớn hơn 10% trên tổng số phải thu.

4. Phải thu khác

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác, trong đó :				
Tạm ứng đầu tư	12,715,380,000		12,715,380,000	
Phải thu tạm ứng nội bộ	573,355,000		719,349,000	
Phải thu dự án	3,868,042,912			
Phải thu khác	622,332,052		1.695.205.807	
Cộng	17,779,109,964		15,129,934,807	

5. Nợ xấu

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi	Giá trị	Giá trị có thẻ thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn	60,588,000		60,588,000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22,378,171,063		18,325,100,383	
Công cụ, dụng cụ	26,032,600			
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220,922,633		724,797,145	
Thành phẩm	157,143,403,821	(1,616,932,898)	144,985,401,049	(3,280,875,494)
Hàng hoá	28,300,974,174		22,426,755,711	
Cộng	208,069,504,291	(1,616,932,898)	186,462,054,288	(3,280,875,494)

7. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang, trong đó:		
Dự án xây dựng nhà Phương Mai	2,113,446,664	2,113,446,664
Dự án khác		
Cộng	2,113,446,664	2,113,446,664

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	127,690,264,291	83,274,314,361	15,556,971,383	1,246,142,790	227,767,692,825
2. Tăng, giảm trong năm	3,672,540,684	782,760,000	385,000,000	527,930,000	5,368,230,684
-Mua trong năm		782,760,000	385,000,000	527,930,000	1,695,690,000
-Đầu tư XDCB hoàn thành	3,672,540,684				3,672,540,684
- Tăng khác					0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
3. Số cuối năm	131,362,804,975	84,057,074,361	15,941,971,383	1,774,072,790	233,135,923,509
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	19,940,265,923	22,667,542,018	7,859,429,808	664,741,069	51,131,978,818
2. Tăng, giảm trong năm	6,088,253,165	8,130,871,813	1,449,334,523	214,917,326	15,883,376,827
-Khấu hao trong năm	6,088,253,165	8,130,871,813	1,449,334,523	214,917,326	15,883,376,827
-Tăng khác					0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
3. Số cuối kỳ	26,028,519,088	30,798,413,831	9,308,764,331	879,658,395	67,015,355,645
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	107,749,998,368	60,606,772,343	7,697,541,575	581,401,721	176,635,714,007
2. Tại ngày cuối năm	105,334,285,887	53,258,660,530	6,633,207,052	894,414,395	166,120,567,864

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 26,891,173,163 đồng.

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	Tổng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	2,395,787,000	9,310,000,000	752,115,000	12,457,902,000
2. Tăng trong kỳ	(120,000,000)	-	126,000,000	246,000,000
-Mua trong năm			126,000,000	126,000,000
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				
-Tăng khác				
-Thanh lý, nhượng bán				
-Giảm khác	120,000,000			120,000,000
3. Số dư cuối kỳ	2,275,787,000	9,310,000,000	878,115,000	12,463,902,000
II. Giá trị hao mòn				
1. Số đầu năm	120,000,000	6,117,333,338	14,624,458	6,251,957,796
2. Tăng trong kỳ	(120,000,000)	1,572,000,006	154,781,663	1,606,781,669
-Khấu hao trong năm		1,572,000,006	154,781,663	1,726,781,669
-Tăng khác				-
-Thanh lý, nhượng bán				-
-Giảm khác	120,000,000			120,000,000
3. Số dư cuối kỳ	-	7,689,333,344	169,406,121	7,858,739,465
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	1,620,666,656	3,192,666,662	737,490,542	6,205,944,204
2. Tại ngày cuối kỳ	2,275,787,000	1,620,666,656	708,708,879	4,605,162,535

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối quý đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4,600,000,000 đồng

10. Chi phí trả trước

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a. Ngắn hạn: công cụ, vật liệu xuất dùng	5,313,492,467	4,310,791,621
b. Dài hạn	2,357,972,255	175,814,250
Cộng	7,671,464,722	4,486,605,871

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Nợ ngắn hạn						
<i>Nợ ngắn hạn</i>	77,601,851,100	77,601,851,100	148,418,806,300	(186,213,798,910)	115,396,843,710	115,396,843,710
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	35,318,886,875	35,318,886,875	33,827,832,125		1,491,054,750	1,491,054,750
Cộng ngắn hạn	112,920,737,975	112,920,737,975	182,246,638,425	(186,213,798,910)	116,887,898,460	116,887,898,460
b Nợ dài hạn						
<i>Nợ dài hạn</i>	43,081,622,825	43,081,622,825	9,543,663,000	(25,841,332,125)	59,379,291,950	59,379,291,950
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	(35,318,886,875)	(35,318,886,875)		(33,827,832,125)	(1,491,054,750)	(1,491,054,750)
Cộng dài hạn	7,762,735,950	7,762,735,950	9,543,663,000	(59,669,164,250)	57,888,237,200	57,888,237,200

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Phải trả người bán

	31/12/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn, trong đó :				
<i>Công ty TNHH giống cây trồng Vạn Xuyên - TQ</i>	64,919,831,590	64,919,831,590	89,139,194,784	89,139,194,784
<i>Lý Kim Văn (Ông Bách) XN19 - CN Cty TNHH MTV Duyên Hải</i>	27,306,662,831	27,306,662,831	41,701,362,241	41,701,362,241
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	3,641,009,520	3,641,009,520	10,652,610,112	10,652,610,112
b Phải trả dài hạn			9,543,663,000	9,543,663,000
	33,972,159,239	33,972,159,239	27,241,559,431	27,241,559,431
Cộng	64,919,831,590	64,919,831,590	89,139,194,784	89,139,194,784

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	322,114,706	90,823,832	389,729,848	23,208,690
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,585,175,252	9,412,668,220	10,319,386,918	1,678,456,554
Thuế thu nhập cá nhân	1,555,811,168	14,122,314,942	11,075,928,015	4,602,198,095
Tiền thuê đất, thuế đất	(114,977,000)	626,166,824	530,730,824	(19,541,000)
Thuế khác		37,243,872	37,243,872	-
Cộng	4,348,124,126	24,289,217,690	22,353,019,477	6,284,322,339

14. Chi phí phải trả

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
a Ngắn hạn	840,891,588	1,089,290,086
Các khoản trích trước khác	840,891,588	1,089,290,086
b Dài hạn		
Cộng	840,891,588	1,089,290,086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	(VND)	(VND)
a Ngắn hạn, trong đó:	31,236,647,345	11,409,474,242
<i>Kinh phí công đoàn</i>	44,184,860	95,876,300
<i>Bảo hiểm xã hội, y tế, BHYT</i>	93,392,418	61,668,237
<i>Kinh phí hỗ trợ giống gốc</i>	984,550,275	984,550,275
<i>Các dự án</i>	43,074,900	2,748,814,790
<i>Chi phí đền bù đất DA Đồng Văn</i>	2,847,000,000	2,847,000,000
<i>Phải trả công nhân K01</i>	1,358,000,000	
<i>Cổ tức</i>	22,925,292,000	
<i>Các khoản phải trả phải nộp khác</i>	2,941,152,892	4,671,564,640
b Dài hạn		

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư ngày tại 01/01/2015	152,950,000,000	331,245,527,850	-	140,402,261,406	126,878,534,309	751,476,323,565
Lợi nhuận thuần trong năm					156,503,636,295	156,503,636,295
Phát hành cổ phiếu						-
Mua cổ phiếu quỹ			(20,000,000)			(20,000,000)
Bán cổ phiếu quỹ						-
Phân phối vào các quỹ				61,771,278,935	(61,771,278,935)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi					(13,097,259,164)	(13,097,259,164)
Chi cổ tức					(45,885,000,000)	(45,885,000,000)
Sử dụng các quỹ				(4,712,507,112)	(15,288,378,000)	(20,000,885,112)
Thù lao HĐQT và BKS					(560,000,000)	(560,000,000)
Tăng khác						-
Giảm khác						-
Số dư ngày tại 31/12/2015	152,950,000,000	331,245,527,850	(20,000,000)	197,461,033,229	146,780,254,505	828,416,815,584

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư ngày tại 01/01/2016	152,950,000,000	331,245,527,850	(20,000,000)	197,461,033,229	146,780,254,505	828,416,815,584
Lợi nhuận thuần trong năm					186,870,038,942	186,870,038,942
Chi cổ tức năm 2015					(30,567,056,000)	(30,567,056,000)
Trích cổ tức 2016					(22,925,292,000)	(22,925,292,000)
Mua cổ phiếu quỹ			(20,000,000)			(20,000,000)
Thù lao HĐQT và BKS					(1,088,000,000)	(1,088,000,000)
Phân phối các quỹ				80,213,702,576	(80,213,702,576)	-
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi					(14,881,124,114)	(14,881,124,114)
Sử dụng các quỹ				(9,442,263,189)	(311,293,616)	(9,753,556,805)
Số dư tại ngày 31/12/2016	152,950,000,000	331,245,527,850	(40,000,000)	268,232,472,616	183,663,825,141	936,051,825,607

Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCĐ2016 của Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty năm 2016 ngày 15 tháng 4 năm 2016.

Chia cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết số 23/NQ-HDQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 20 tháng 6 năm 2016.

Chia cổ tức đợt 1 năm 2016 theo Nghị quyết số 51/NQ-HDQT-CTG của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2016.

Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	114,712,500,000	114,712,500,000
- Vốn góp của đối tượng khác	38,237,500,000	38,237,500,000
Cộng	<u>152,950,000,000</u>	<u>152,950,000,000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>2016</u> (VND)	<u>2015</u> (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	152,950,000,000	152,950,000,000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông	15,295,000	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	15,283,528	15,295,000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành phổ thông	15,283,528	15,288,378
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	11,472	6,622

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	30%	30%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	268,232,472,616	197,461,033,229
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng	<u>268,232,472,616</u>	<u>197,461,033,229</u>

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

g. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>31/12/2016</u> (VND)	<u>01/01/2016</u> (VND)
Quỹ khen thưởng	11,338,616,918	23,293,551,730
Quỹ phúc lợi	2,398,747,873	444,446,547
Cộng	<u>13,737,364,791</u>	<u>23,737,998,277</u>

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

- a. Tài sản nhận giữ hộ : 762.740.055 đồng
b. Hàng hóa nhận giữ hộ : 54.635.600.000 đồng
c. Ngoại tệ :

Ngoại tệ	USD	CNY	LAK
Tại quỹ	10,474.00	25,853.00	1,000,000.00
Tại ngân hàng	35.61	71,620.21	-

- d. Nợ khó đòi đã xử lý là : 2,892,931,475 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	864,980,294,508	827,637,826,688
Doanh thu cung cấp dịch vụ	394,238,096	823,124,712
Cộng	865,374,532,604	828,460,951,400

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Chiết khấu thương mại	7,525,520,447	15,581,743,722
Giảm giá hàng bán	272,302,500	155,730,000
Hàng bán bị trả lại	29,367,305,611	39,782,860,932
Cộng	37,165,128,558	55,520,334,654

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Giá vốn của hàng hóa đã bán	491,844,782,941	466,548,403,243
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1,663,942,596)	(286,999,984)
Cộng	490,180,840,345	466,261,403,259

Năm 2016 Công ty thay đổi cách ghi nhận chi phí khấu hao nhà kho, máy móc phục vụ chế biến, đóng gói sản phẩm từ chi phí bán hàng chuyển sang giá thành sản phẩm.

Công ty thực hiện phân loại lại các loại chi phí trên trong năm 2015 theo cách ghi nhận của năm 2016 để phục vụ việc phân tích, so sánh số liệu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	396,734,861	768,277,196
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19,295,650,158	9,766,693,222
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,619,031,360	1,082,800,460
Cộng	21,311,416,379	11,617,770,878

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Lãi tiền vay	8,129,000,936	5,621,875,806
Chiết khấu thanh toán	6,117,285,920	4,496,406,610
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34,385,363	819,769,440
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1,145,276,100)	(53,333,200)
Chi phí hoạt động tài chính khác		
Cộng	13,135,396,119	10,884,718,656

6. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Thu nhập khác	1,023,916,385	4,861,877,307
Chi phí khác	(194,587,583)	(283,081,286)
Cộng	829,328,802	4,578,796,021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
a. Chi phí quản lý	75,368,397,698	75,344,241,334
Chi phí nhân viên	55,807,690,482	55,139,650,178
Chi phí khấu hao và công cụ dụng cụ	3,851,186,353	3,759,457,022
Các khoản chi phí QLDN khác	15,709,520,863	16,445,134,134
b. Chi phí bán hàng	69,170,627,042	72,242,916,269
Chi phí nhân viên	25,077,256,250	23,508,941,828
Chi phí chế biến đóng gói, điện	9,770,538,301	10,864,287,129
Chi phí vận chuyển	13,351,994,469	14,585,038,660
Khấu hao, công cụ dụng cụ	5,483,099,776	7,792,744,185
Chi phí quảng cáo, phát triển sản phẩm	7,556,527,941	6,628,018,126
Các khoản chi phí bán hàng khác	7,931,210,305	8,863,886,341

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	431,364,725,984	491,338,072,522
Chi phí nhân công	91,925,873,944	85,668,313,841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17,887,868,953	10,899,948,025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,577,388,541	27,873,891,142
Chi phí bằng tiền khác	10,047,530,743	9,902,320,400
Cộng	574,803,388,165	625,682,545,930

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	9,412,668,220	7,900,267,832
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay		
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9,412,668,220	7,900,267,832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
ĐVT : VND

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>31/12/2016</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	157,962,469,300
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>31/12/2016</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	212,055,131,035
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

ĐVT : VND

1. Lợi nhuận sau thuế

	<u>Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016</u>	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	64,822,443,494	52,524,901,070
Cộng	<u>64,822,443,494</u>	<u>52,524,901,070</u>

Tổng lợi nhuận sau thuế quý 4/2016 bằng 123.41% so với quý 4/2015 là do chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, tăng sản lượng bán hàng hóa chất lượng cao, lợi nhuận gộp tăng và lợi nhuận sau thuế tăng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau :

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015
Bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	8,714,856,000	6,456,237,483
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	34,336,533,220	2,089,939,520
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	6,071,820,000	
Các công ty của Tập đoàn Pan	7,865,857,483	
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	265,290,000	7,350,000
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	8,446,522,500	1,958,840,000
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	5,773,163,900	1,570,000,000
Thu tiền cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	2,000,000,000	1,413,953,964
Cổ tức		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	612,160,000	520,336,000
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam		
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	18,438,260,000	27,657,390,000

Số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày cuối kỳ như sau :

	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Phải thu tiền bán hàng		
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây	1,542,866,875	951,405,757
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam	10,443,314,785	374,377,834
Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam	4,121,400,000	
Các công ty của Tập đoàn Pan	128,752,500	
Phải trả tiền bán hàng		
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam		4,647,000
Phải thu tiền cho vay ngắn hạn		
Công ty CP Giống cây trồng TƯ Quảng Nam		2,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung Ương đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Lập Ngày 17 tháng 01 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thế Tý

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Kim Liên

